UNIT 1 Hello

A. VOCABULARY (Từ vựng)

1. Hello
/hə'ləʊ/

2. Hi
/haɪ/

3. Goodbye
/gʊd baɪ/

4. Bye
/ baɪ/

5. fine
/faɪn/

6. thank you
/θæŋk juː/

7. Ben

8. Mai

9. Minh

10. Lucy

LIVEWORKSHEETS

B. STRUCTURE (Mẫu câu)

1. Cách chào hỏi :

- Hello: sử dụng ở mọi tình huống, mọi đối tượng giao tiếp.

- Hi: sử dụng khi hai bên giao tiếp là bạn bè, người thân. Đây là từ để chào hỏi rất thân mật.

Ngoài các câu chào trên (Hi, Hello), người ta còn dùng Nice to meet you (Rất vui được gặp bạn) để chào, câu này lịch sự hơn hai cách chào trên.

- Good morning: Chào buổi sáng

- Good afternoon: Chào buổi chiều

- Good evening: Chào buổi tối

- Good night!: Chúc ngủ ngon! (Chào khi đi ngủ) hay còn dùng để chào tạm biệt vào buổi tối.

2. Cách giới thiệu tên:

I am + name (tên).

Tên mình là...

Dạng viết tát: I am —► I'm.

Ex: I am Thao.Mình tên là Thảo.

LIVEWORKSHEETS

3. Hỏi thăm sức khoẻ:

Hỏi: How are you?Bạn có khỏe không?

Đáp: I'm fine./ Fine.Mình khỏe.

Thank you./ Thanks. And you?Cảm ơn. Còn bạn thì sao?

"How" có nghĩa là "thế nào, ra sao?", ở đây người ta sử dụng động từ

"to be" là "are" bởi vì chủ ngữ thể hiện trong câu là "you".

Thank you = Thanks: có nghĩa là "cảm ơn".

4. Cách chào tạm biệt:

Goodbye/ Bye!

-Goodbye (Tạm biệt)

- Bye Mai! (Tạm biệt Mai)

C. EXERCISE (Bài tập)

Ex1: Fill in the blanks.

1. _ello

2. _i

3. By_

4. Goo_bye

LIVEWORKSHEETS

5.T_ank y_u

6. _ _. I'm Nam

7.Hi. I _ _ Ben

8. M_ Hoa

Ex2: Circle the odd one out.

1 .a. Hello b. Hi c. Lucy

2. a. Bye b. thank c. Goodbye

3 . a. am b. Ben c. Bill

4 .a. Mary b. Minh c. How

5 . a. Goodbye b. Hi c. Hello

6 .a. Nam b. fine c. Ben

Ex3: Find the words.

hi

thank

bye

hello

goodbye

g	f	m	h	c	y	r	e	f
o	r	a	i	n	k	h	e	h
o	b	y	r	k	y	e	s	u
d	e	a	s	a	d	l	t	b
b	r	k	t	b	y	l	f	y
y	p	a	t	n	j	o	g	e
e	r	v	n	j	y	d	e	y
g	t	h	a	n	k	h	i	b

LIVEWORKSHEETS

Ex4: Read the sentences then choose the correct picture.

1. Hi. I am Lucy.

a. ☐ b. ☐

2. Hello, Mr Long.

a. ☐ b. ☐

3. How are you?

a. ☐ b. ☐

4. Goodbye, Mom.

a. ☐ b. ☐

Ex5: Read and match.

1. Hello. I'm Ben.	a. Bye, Mary.
2. Hi.	b. am fine, thank you
3. How are you?	c. Hi, Ben. I'm Lucy.
4. Bye, Nam.	d. I'm Bill.
5. How are you, Minh? I	e. I'm fine, thank you.

LIVEWORKSHEETS